

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 70 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v ly hôn giữa chị M với anh H

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tuyền

Ông Phạm Thành Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Trong – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 112/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Trà M**, sinh năm 1988;

Hộ khẩu thường trú: 964/5, **khu phố F, phường H, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh**; nơi đang cư trú: 174, **ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh H**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: 181, **ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.**

Chị **M** và anh **H** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, bản tự khai ngày 27/3/2024, nguyên đơn chị **Võ Thị Trà M** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh H tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/10/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, có bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì chị còn tình cảm với anh H nên vợ chồng tiếp tục chung sống. Sau khi vợ chồng có con, mâu thuẫn ngày càng gay gắt; anh H không quan tâm, không lo cho chị và con. Từ tháng 11/2022 đến nay, chị đã ẵm con về nhà cha mẹ ruột của chị ở xã T, huyện G sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Chị có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2021. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi con chung. Chị và anh H tuy ly thân nhưng anh chị và gia đình hai bên vẫn cùng nhau lo cho con. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị xin vắng mặt trong vụ án.

Bị đơn anh Lê Minh H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo kết quả xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H tồn tại đã lâu, đến nay vợ chồng đã sống ly thân; trong suốt quá trình tố tụng anh H vắng mặt, không đến tòa án cho thấy anh H không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã trầm trọng,

hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **M**. Về con chung, chị **M** và anh **H** có 01 con chung tên **Lê Minh T**, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2021; từ khi ly thân đến nay chị **M** trực tiếp nuôi con chung. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung đề nghị Tòa án giao con chung cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng; chị **M** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung chị **M** khai là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị **Võ Thị Trà M** và anh **Lê Minh H** là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung. Bị đơn anh **H** cư trú tại **xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng bị đơn anh **H** vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh **H** vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị **M** xin vắng mặt trong vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **M** và anh **H**.

[2] Về hôn nhân: Chị **Võ Thị Trà M** và anh **Lê Minh H** kết hôn vào năm 2020, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/10/2020 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị **M** xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống anh chị có bất đồng về quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung; mâu thuẫn kéo dài nhưng anh chị vẫn không khắc phục được và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị **M** xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh **H** không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn. Xét lời khai của chị **M** phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh **H** không đến tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy anh **H** không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **M** và anh **H** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất

cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2021 (theo Giấy khai sinh số 328 do Ủy ban nhân dân phường H1, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/12/2021). Chị M yêu cầu được nuôi con chung, anh H không có yêu cầu gì về con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì chị M là người trực tiếp nuôi cháu T. Thời gian qua, anh H và gia đình anh H cũng không gặp khó khăn trong việc đến thăm và chăm sóc con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho chị M được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M khai chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh H vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Trà M ly hôn với anh Lê Minh H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2021 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ

chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Võ Thị Trà M** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004761 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị **M** và anh **H** vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường 8, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA